



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên độc lập của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIAO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/09/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

Vốn điều lệ: 19.256.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2025: 19.256.580.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 39 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3797971-3797975 Fax: (84) 0236.3797971
- Website: www.sachgiaoduc.com

Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

Nhân sự

Tổng số nhân viên tại 30/06/2025 là 24 người (tại ngày 01/01/2025 là 25 người).

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------|----------|------------------------------|
| Ông Ông Thừa Phú | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
| Ông Lý Xuân Hoàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
| Ông Lê Diễm Hùng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
| Ông Trần Công Thanh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 |
| Ông Hồ Văn Linh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------|------------|------------------------------|
| Ông Đặng Công Đức | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
|-------------------|------------|------------------------------|

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|----------------------------|---------|------------------------------|
| • Ông Trần Đàm Nhiệm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
| • Ông Nguyễn Vũ Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|----------------|--|
| • Ông Lý Xuân Hoàn | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 06/11/2024 |
| • Ông Phạm Văn Hải | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2020
Miễn nhiệm ngày 18/06/2025 |
| • Ông Hồ Văn Lĩnh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 06/11/2024 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Lý Xuân Hoàn
Đã ký, ngày 05 tháng 08 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN-KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 931/2025/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ngày 05/08/2025 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

■ Trụ sở chính:

Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887

■ Chi nhánh:

Tầng 2, Số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2025

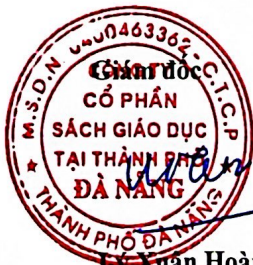
Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.545.631.140	46.185.224.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.653.717.135	4.947.198.085
1. Tiền	111		7.653.717.135	4.947.198.085
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.059.835.616	14.449.004.940
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	5.657.785.512
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.208.780.572)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	10.059.835.616	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.282.429.227	7.115.062.951
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.100.142.202	6.984.113.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	83.357.058	34.664.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	492.811.673	500.167.378
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(393.881.706)	(403.881.706)
IV. Hàng tồn kho	140	11	19.380.992.320	18.631.605.647
1. Hàng tồn kho	141		20.025.825.017	19.276.438.344
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(644.832.697)	(644.832.697)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.168.656.842	1.042.352.739
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.158.809.086	915.067.225
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	9.847.756	127.285.514
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.841.014.431	4.585.899.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.000.000	327.050.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	23.000.000	327.050.000
II. Tài sản cố định	220		3.456.881.821	3.653.787.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.956.481.821	2.153.387.379
- Nguyên giá	222		6.163.066.773	6.163.066.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.206.584.952)	(4.009.679.394)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.500.400.000	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		1.500.400.000	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	593.390.084	593.390.084
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		593.390.084	593.390.084
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		767.742.526	11.672.526
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	767.742.526	11.672.526
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		58.386.645.571	50.771.124.351

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.549.979.598	8.879.198.230
I. Nợ ngắn hạn	310		16.540.979.598	8.870.198.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.433.202.652	6.398.953.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	248.484.201	174.808.538
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	358.205.904	193.851.619
4. Phải trả người lao động	314		2.893.476.075	1.165.386.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	619.716.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	2.986.548.305	577.350.682
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.346.461	359.846.461
II. Nợ dài hạn	330		9.000.000	9.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	9.000.000	9.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.836.665.973	41.891.926.121
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	41.836.665.973	41.891.926.121
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	19.256.580.000	19.256.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.256.580.000	19.256.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	3.271.423.681	3.271.423.681
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	16.448.936.093	16.504.196.241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	14.193.406.641	14.130.166.899
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	2.255.529.452	2.374.029.342
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		58.386.645.571	50.771.124.351



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	37.403.995.556	31.097.068.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	653.844.390	518.211.561
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		36.750.151.166	30.578.857.181
4. Giá vốn hàng bán	11	24	25.955.331.750	21.996.117.983
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		10.794.819.416	8.582.739.198
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.055.203.387	121.786.342
7. Chi phí tài chính	22	26	(753.076.210)	(1.597.905.785)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	3.969.905.922	3.348.035.251
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	5.181.761.942	4.163.991.417
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.451.431.149	2.790.404.657
11. Thu nhập khác	31		4.080.000	15.440.741
12. Chi phí khác	32	28	619.716.000	30.446.843
13. Lợi nhuận khác	40		(615.636.000)	(15.006.102)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.835.795.149	2.775.398.555
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	580.265.697	618.890.598
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.255.529.452	2.156.507.957
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.171	896
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.171	896



Nguyễn Hoàn

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		36.447.044.137	20.263.749.336
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(27.216.897.252)	(18.642.454.287)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.376.342.136)	(2.768.384.444)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(127.639.801)	(52.238.661)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		496.929.635	537.940.228
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.339.676.039)	(1.490.505.867)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.883.418.544	(2.151.893.695)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.059.835.616)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	2.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9;25	193.725.722	105.013.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		133.890.106	2.105.013.654
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(2.310.789.600)	(2.310.789.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.310.789.600)	(2.310.789.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.706.519.050	(2.357.669.641)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	4.947.198.085	4.592.078.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	7.653.717.135	2.234.408.478



Lưu Văn Hoàn

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/09/2023.

Vốn điều lệ: 19.256.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2025 của Công ty là 19.256.580.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 (bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và kết thúc ngày 30/06/2025).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1, 5 - 2

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Mặt hàng sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa áp dụng thuế suất 5%;
 - Các loại lịch block áp dụng thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025, Công ty được áp dụng thuế suất 8% theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền mặt	2.522.197	38.000.086
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.651.194.938	4.909.197.999
Cộng	7.653.717.135	4.947.198.085

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	10.059.835.616	10.000.000.000
Cộng	10.059.835.616	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	30/06/2025			01/01/2025		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	Đang hoạt động	0,01%	94	1.086.084	-	2.021.000	1.086.084	-	
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	Đang hoạt động	7,50%	33.750	242.304.000	-		242.304.000	-	
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000	-		350.000.000	-	
Cộng				593.390.084	-	2.021.000	593.390.084	-	

- (i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của các Công ty nhận đầu tư này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn; Do đó, không phát sinh dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.009.056.840	94.705.680
Công ty Cổ phần Sách và Phát triển Giáo dục Nghệ An	1.796.077.080	995.760.340
Công ty TNHH Thương mại Nhà sách Minh Tâm	1.709.167.520	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	200.370.330	1.507.451.130
Các đối tượng khác	8.385.470.432	4.386.196.129
Cộng	15.100.142.202	6.984.113.279

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Mối quan hệ	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng Công ty đầu tư	101.316.760	23.368.840
Cộng	101.316.760	23.368.840

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Bao Bì Tân Long	-	19.764.000
Công ty Cổ phần Xây dựng P.E.N.T.H.O.U.S.E	78.355.249	-
Các đối tượng khác	5.001.809	14.900.000
Cộng	83.357.058	34.664.000

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	69.923.000	-	181.483.000	-
Phải thu CBCNV thuế TNCN	331.743.028	-	224.254.244	-
Lãi dự thu	-	-	33.621.918	-
Phải thu khác	63.095.645	-	60.808.216	-
Ký cược, ký quỹ	28.050.000	-	-	-
Cộng	492.811.673	-	500.167.378	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	23.000.000	-	327.050.000	-
Cộng	23.000.000	-	327.050.000	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Số dự phòng phải thu đầu kỳ	403.881.706	776.790.313
Số dự phòng trích lập trong kỳ	-	114.683.040
Số dự phòng hoàn nhập trong kỳ	10.000.000	-
Số dự phòng phải thu cuối kỳ	393.881.706	891.473.353

11. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.740.622.648	-	2.587.327.477	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.244.133.814	-	1.544.946.750	-
Thành phẩm	14.041.068.555	644.832.697	15.144.164.117	644.832.697
Cộng	20.025.825.017	644.832.697	19.276.438.344	644.832.697

- Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2025.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	11.377.273
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	794.997.402	794.997.402
Chi phí thuê văn phòng và thuê kho	306.300.000	-
Chi phí khác	57.511.684	108.692.550
Cộng	1.158.809.086	915.067.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí tổ chức bản thảo	767.742.526	11.672.526
Cộng	767.742.526	11.672.526

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3.697.596.119	38.850.000	2.269.029.745	157.590.909	6.163.066.773
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.697.596.119	38.850.000	2.269.029.745	157.590.909	6.163.066.773
Khấu hao					
Số đầu kỳ	2.458.164.097	38.850.000	1.355.074.388	157.590.909	4.009.679.394
Khấu hao trong kỳ	73.951.920	-	122.953.638	-	196.905.558
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.532.116.017	38.850.000	1.478.028.026	157.590.909	4.206.584.952
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.239.432.022	-	913.955.357	-	2.153.387.379
Số cuối kỳ	1.165.480.102	-	791.001.719	-	1.956.481.821

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 1.235.934.290 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng với nguyên giá: 1.500.400.000 đồng.

Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Giấy Mê Kông	-	684.529.380
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.277.975.728	1.271.528.378
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	753.749.221	882.036.621
Công ty TNHH Lộc Thịnh Phát	1.387.320.605	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.071.011.760	203.340.800
Các đối tượng khác	4.943.145.338	3.357.518.811
Cộng	9.433.202.652	6.398.953.990

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2025	01/01/2025
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư	753.749.221	882.036.621
Cộng		753.749.221	882.036.621

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hương	45.430.900	-
Nhà Sách Yển Công	58.470.660	58.470.660
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Thiên Ân	46.705.920	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Giáo dục Sài Gòn	24.849.100	13.655.500
Các đối tượng khác	73.027.621	102.682.378
Cộng	248.484.201	174.808.538

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	171.126.351	12.366.617	176.010.182	-	7.482.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.693.442	-	580.265.697	127.639.801	-	333.932.454
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	-	4.489.827	169.244.877	156.944.040	-	16.790.664
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.235.441	210.601.528	234.388.689	5.551.720	-
Các loại thuế khác	8.592.072	-	4.296.036	-	4.296.036	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	127.285.514	193.851.619	979.774.755	697.982.712	9.847.756	358.205.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí tháo dỡ tài sản, thiết bị, dụng cụ	619.716.000	-
Cộng	619.716.000	-

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	16.448.276	34.967.673
Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán	270.552.220	35.000.000
Chi phí tổ chức bán thảo	2.644.760.000	444.760.000
Cổ tức phải trả	9.255	9.255
Phải trả khác	54.778.554	62.613.754
Cộng	2.986.548.305	577.350.682

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền ký cược của các Nhà sách	9.000.000	9.000.000
Cộng	9.000.000	9.000.000

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	19.256.580.000	2.859.726.199	3.113.155.058	16.440.956.499
Tăng trong năm	-	-	158.268.623	3.165.372.456
Giảm trong năm	-	-	-	3.102.132.714
Số dư tại 31/12/2024	19.256.580.000	2.859.726.199	3.271.423.681	16.504.196.241
Số dư tại 01/01/2025	19.256.580.000	2.859.726.199	3.271.423.681	16.504.196.241
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.255.529.452
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.310.789.600
Số dư tại 30/06/2025 (*)	19.256.580.000	2.859.726.199	3.271.423.681	16.448.936.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Công ty hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là DAE. Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-DAEBCO ngày 03/04/2025 của Công ty đã thông qua chủ trương không nâng bổ sung vốn điều lệ và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các thủ tục hủy tư cách Công ty đại chúng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	5.663.770.000	5.663.770.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.075.000.000	3.075.000.000
Các cổ đông khác	10.517.810.000	10.517.810.000
Cộng	19.256.580.000	19.256.580.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.925.658	1.925.658
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu phổ thông	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu phổ thông	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	16.504.196.241	16.440.956.499
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	2.255.529.452	3.165.372.456
Phân phối lợi nhuận	2.310.789.600	3.102.132.714
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.310.789.600	2.310.789.600
- Trả cổ tức	2.310.789.600	2.310.789.600
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	791.343.114
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (5%)	-	158.268.623
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (7%)	-	221.576.072
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (13%)	-	411.498.419
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	16.448.936.093	16.504.196.241

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-DAEBCO ngày 03/04/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-DAEBSCO ngày 03/04/2025 của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 12% vốn điều lệ. Việc chi trả này đã được Công ty chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức ngày 05/03/2025; Thời gian thanh toán 20/03/2025.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	30/06/2025	01/01/2025
Nợ khó đòi đã xử lý	107.291.300	107.291.300
+ Công ty In - Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi	107.291.300	107.291.300

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu sách tham khảo, sách hỗ trợ	37.058.043.966	30.415.334.415
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	295.625.780	654.461.600
Doanh thu khác	50.325.810	27.272.727
Cộng	37.403.995.556	31.097.068.742

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chiết khấu thương mại	246.912.220	465.659.481
Hàng bán bị trả lại	406.932.170	52.552.080
Cộng	653.844.390	518.211.561

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Giá vốn sách tham khảo, sách hỗ trợ	24.782.067.374	20.860.557.205
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	258.241.102	592.294.474
Giá vốn hoạt động khác	32.128.661	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	882.894.613	543.266.304
Cộng	25.955.331.750	21.996.117.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	102.103.804	47.013.654
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.000.000	58.000.000
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	895.099.583	16.772.688
Cộng	1.055.203.387	121.786.342

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lỗ từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	42.475.950	-
Phí bán chứng khoán kinh doanh, phí lưu ký chứng khoán	9.963.487	-
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(1.208.780.572)	(1.599.631.435)
Phí tư vấn chứng khoán	379.624.925	-
Chi phí tài chính khác	23.640.000	1.725.650
Cộng	(753.076.210)	(1.597.905.785)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.966.351.111	2.513.320.887
Chi phí khấu hao	-	111.625.404
Chi phí vận chuyển sách và bốc vác	662.083.484	446.284.664
Chi phí thuê kho	168.300.000	168.300.000
Tuyên truyền, quảng cáo	173.171.327	108.504.296
Cộng	3.969.905.922	3.348.035.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tiền lương, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương	2.514.886.382	2.139.600.777
Khấu hao TSCĐ	196.905.558	206.465.048
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	71.029.528	135.585.348
Giao dịch, hội nghị	972.994.777	626.706.332
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(10.000.000)	114.683.040
Chi phí khác	1.435.945.697	940.950.872
Cộng	5.181.761.942	4.163.991.417

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí tháo dỡ tài sản, thiết bị, công cụ tại 78 Pasteur	619.716.000	-
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	-	30.446.843
Cộng	619.716.000	30.446.843

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.835.795.149	2.775.398.555
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	65.533.333	57.861.127
- Điều chỉnh tăng	123.533.333	115.861.127
+Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	63.000.000	63.000.000
+Chi phí không được trừ khác	60.533.333	52.861.127
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	58.000.000	58.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.901.328.482	2.833.259.682
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	580.265.697	618.890.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.255.529.452	2.156.507.957
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(431.301.591)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành)	-	431.301.591
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.255.529.452	1.725.206.366
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.925.658	1.925.658
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.171	896

Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2025 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chỉ tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.917.850.606	3.960.873.730
Chi phí nhân công	5.481.237.493	4.652.921.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.905.558	318.090.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.002.361.994	9.859.699.593
Chi phí khác bằng tiền	2.582.111.801	1.049.455.168
Cộng	24.180.467.452	19.841.040.607

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, các khoản vay phát sinh nhỏ và được trả trong thời gian ngắn; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và thiết bị các Tỉnh. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.433.202.652	-	9.433.202.652
Chi phí phải trả	619.716.000	-	619.716.000
Phải trả khác	2.970.100.029	9.000.000	2.979.100.029
Cộng	13.023.018.681	9.000.000	13.032.018.681
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.398.953.990	-	6.398.953.990
Phải trả khác	577.350.682	9.000.000	586.350.682
Cộng	6.976.304.672	9.000.000	6.985.304.672

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.653.717.135	-	7.653.717.135
Đầu tư tài chính	10.059.835.616	593.390.084	10.653.225.700
Phải thu khách hàng	14.706.260.496	-	14.706.260.496
Phải thu khác	422.888.673	23.000.000	445.888.673
Cộng	32.842.701.920	616.390.084	33.459.092.004
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.947.198.085	-	4.947.198.085
Đầu tư tài chính	14.449.004.940	593.390.084	15.042.395.024
Phải thu khách hàng	6.580.231.573	-	6.580.231.573
Phải thu khác	318.684.378	327.050.000	645.734.378
Cộng	26.295.118.976	920.440.084	27.215.559.060

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLXB, mua sách	344.178.334	1.149.841.111
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	110.170.897	240.192.417
Bán hàng			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	191.223.960	293.184.780
Cổ tức			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chi cổ tức bằng tiền	679.652.400	679.652.400
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Chi cổ tức bằng tiền	369.000.000	369.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Chức danh		6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Thù lao hội đồng quản trị			
Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lý Xuân Hoàn	Ủy viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Hồ Văn Linh	Ủy viên HĐQT	15.000.000	6.000.000
Ông Trần Công Thanh	Ủy viên HĐQT	15.000.000	5.000.000
Ông Lê Diêm Hùng	Ủy viên HĐQT	15.000.000	15.000.000
Ông Trần Trọng Hiếu	Thư ký HĐQT	12.000.000	4.000.000
Thù lao Ban kiểm soát		21.000.000	17.000.000
Tiền lương Ban giám đốc		1.111.834.360	950.224.100

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

...